



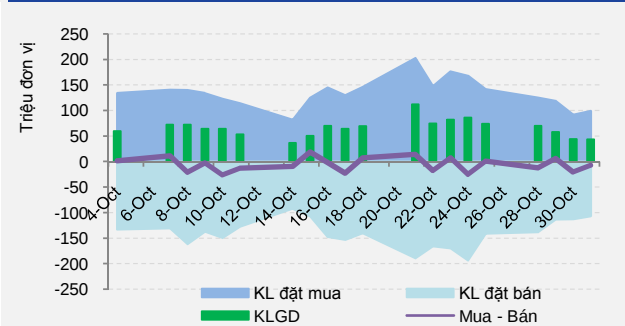
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 31/10/2013

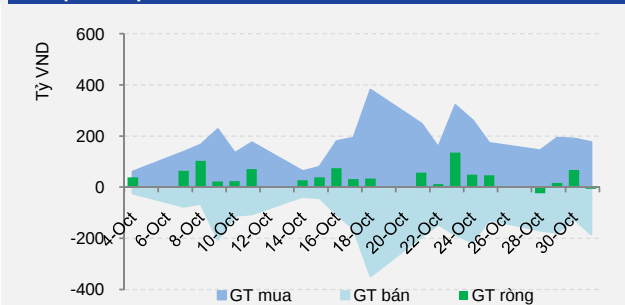
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	497.4	61.6
% Thay đổi	↓ -0.3%	↑ 0.1%
KLGD (CP)	43,344,990	15,760,617
GTGD (tỷ đồng)	687.98	156.54
Tổng cung (CP)	106,250,640	51,552,000
Tổng cầu (CP)	99,008,070	39,016,000

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	5,401,210	204,890
KL mua (CP)	3,572,990	1,191,800
GTmua (tỷ đồng)	176.20	11.61
GT bán (tỷ đồng)	182.69	3.21
GT ròng (tỷ đồng)	(6.50)	8.40

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.34%	7.4	1.6	1.6%
Công nghiệp	↑ 0.04%	411.8	1.0	18.7%
Dầu khí	↓ -1.82%	7.3	1.5	4.1%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.41%	13.5	1.8	2.1%
Dược phẩm và Y tế	↓ -1.01%	8.2	2.7	2.4%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.33%	12.2	4.9	21.2%
Ngân hàng	↓ -0.45%	7.1	1.3	11.5%
Nguyên vật liệu	↑ 0.41%	9.1	2.0	9.4%
Tài chính	↑ 0.17%	17.8	2.5	22.4%
Tiền ích Cộng đồng	↓ -0.68%	8.9	3.3	6.6%
VN - Index	↓ -0.33%	12.9	2.9	81.6%
HNX - Index	↑ 0.10%	31.9	1.5	18.4%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE

	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	161,680	0.4%	562,750	1.3%
GTGD (tỷ VND)	3,911	0.6%	12,402	1.8%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index quay trở lại xu hướng giảm sau 2 phiên tăng điểm kỹ thuật. Mức độ dao động giá toàn thị trường không nhiều, phần lớn thời gian dao động quanh mức 498-499 điểm với thanh khoản thấp. Ngoài cổ phiếu PVD chịu áp lực bán khá mạnh, đa số cổ phiếu biến động giá không đáng kể, tốc độ khớp lệnh chậm.

Chỉ số HNX-Index tiếp phiên tăng điểm thứ 3 liên tiếp từ mốc hỗ trợ kỹ thuật 61 điểm. Phiên tăng điểm nhẹ với thanh khoản giảm mạnh, lực cầu được hỗ trợ từ khối NĐTNN chưa cho tín hiệu tích cực về lực cầu bắt đáy.

Thị trường vẫn đang trong diễn biến điều chỉnh sau xu hướng tăng từ cuối tháng 8, phản ứng với ngưỡng cân kỹ thuật 505 điểm đối với VN-Index, 63 điểm đối với HNX-Index. Chỉ số chung dao động hẹp với thanh khoản thấp cho thấy tương quan cung cầu tại vùng giá hiện tại tương đối cân bằng, áp lực cung không nhiều dù lực cầu phần lớn chờ tại mức giá thấp. Động lực tăng điểm của thị trường yếu, tuy nhiên khả năng thị trường điều chỉnh sâu từ vùng giá hiện tại ở mức thấp. Mốc hỗ trợ kỹ thuật khá mạnh của VN-Index là khoảng 495 điểm, của HNX-Index là khoảng 61 điểm.

Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục, việc lựa chọn cổ phiếu nên quan tâm yếu tố cơ bản, được dòng tiền quan tâm.

- VN-Index giảm nhẹ 1.66 điểm (0.33%), xuống 497.41 điểm, mức thấp nhất trong phiên.

- HNX-Index tăng nhẹ 0.05 điểm (0.09%), lên 61.64 điểm, tiếp tục ghi nhận phiên tăng điểm thứ 3 liên tiếp.

- Tăng trưởng tín dụng đến 21/10 đạt 6.45%, lên 3.29 triệu tỷ đồng, tăng 200 nghìn tỷ đồng so với đầu năm. Với mục tiêu tăng trưởng tín dụng 12% trong năm 2013, còn 170 nghìn tỷ đồng có thể bơm ra nền kinh tế trong 2 tháng cuối năm, tương đương 85 nghìn tỷ đồng/tháng, cao gấp 4 lần mức tăng trưởng tín dụng bình quân trong 10 tháng đầu năm.

Để bảo đảm đạt chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng 12% năm 2013, NHNN cho biết sẽ chỉ đạo các TCTD tập trung nguồn vốn cho 5 lĩnh vực ưu tiên. Các khách hàng gặp khó khăn tạm thời trong sản xuất kinh doanh nhưng có phương án vay mới khả thi cũng sẽ được các TCTD xem xét tiếp tục thực hiện cơ cấu lại nợ và cho vay mới. NHNN cũng xem xét trình Thủ tướng Chính phủ cho phép các TCTD được cho vay vượt giới hạn cho phép đối với khách hàng vượt 15% vốn tự có và nhóm khách hàng có liên quan (vượt 25% vốn tự có) đối với các dự án quan trọng cũng như những dự án được ưu tiên.

- Tính đến cuối tháng 10, sau 1 tháng chính thức mua lại nợ xấu, VAMC đã mua được 8.700 tỷ đồng nợ xấu gốc từ 8 tổ chức tín dụng, với tổng giá trị trái phiếu đặc biệt phát hành khoảng 6500 tỷ đồng. Đến cuối năm 2013, VAMC đặt mục tiêu mua được tối thiểu 30 nghìn tỷ đồng nợ xấu. Vào thời điểm hiện tại, vẫn chưa có ngân hàng sử dụng trái phiếu đặc biệt để nhận tái cấp vốn từ NHNN. Điều này thể hiện tình trạng thanh khoản dồi dào của hệ thống Ngân hàng.

- Ngày mai HSBC sẽ công bố chỉ số PMI tháng 10 của Việt Nam. Dự kiến chỉ số PMI vẫn thể hiện sự tăng trưởng so với tháng trước, ở mức trên 50 điểm. Trước đó, chỉ số PMI tháng 9 đã tăng trở lại lên mức 51.5 điểm, tháng tăng trưởng đầu tiên sau 4 tháng thể hiện diễn biến sụt giảm và là kết quả tốt nhất kể từ tháng 4/2011, tháng đầu tiên bắt đầu có dữ liệu khảo sát. Yếu tố góp phần làm tăng PMI trong tháng 9 là số lượng đơn đặt hàng mới và việc làm tăng khá mạnh.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Điều chỉnh	Tăng	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index giảm nhẹ 1.66 điểm (0.33%), xuống 497.41 điểm, mức thấp nhất trong phiên.

- KLGD tăng 10% so với phiên trước, lên 38.6 triệu đơn vị (vẫn thấp hơn khá nhiều mức trung bình 21 phiên - khoảng 61 triệu).

- Chỉ số RSI giảm xuống 52 điểm, tâm lý thị trường khá thận trọng. Chỉ báo MACD vẫn dao động phía dưới đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng điều chỉnh ngắn hạn.

Nhận định: Chỉ số VN-Index quay trở lại xu hướng giảm sau 2 phiên tăng điểm kỹ thuật. Mức độ dao động giá toàn thị trường không nhiều, phần lớn thời gian dao động quanh mức 498-499 điểm với thanh khoản thấp. Ngoài cổ phiếu PVD chịu áp lực bán khá mạnh, đa số cổ phiếu biến động giá không đáng kể, tốc độ khớp lệnh chậm.

Thị trường vẫn đang trong diễn biến điều chỉnh sau xu hướng tăng từ cuối tháng 8, phản ứng với ngưỡng cản kỹ thuật 505 điểm. Chỉ số chung dao động hẹp với thanh khoản thấp cho thấy tương quan cung cầu tương đối cân bằng, áp lực cung không nhiều dù lực cầu phần lớn chờ tại mức giá thấp. Với tương quan cung cầu hiện tại, chúng tôi duy trì quan điểm mức độ điều chỉnh của thị trường chung không nhiều. Mốc hỗ trợ kỹ thuật khá mạnh của VN-Index là khoảng 495 điểm.

HNX-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Điều chỉnh	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- HNX-Index tăng nhẹ 0.05 điểm (0.09%), lên 61.64 điểm, tiếp tục ghi nhận phiên tăng điểm thứ 3 liên tiếp.

- KLGD giảm 26% so với phiên trước, xuống 15 triệu đơn vị, thấp hơn nhiều mức trung bình 21 ngày (27 triệu đơn vị).

- Chỉ số RSI tăng nhẹ lên mức 56 điểm, tâm lý thị trường vẫn khá thận trọng. Chỉ báo MACD 9 ngày tiếp tục xu hướng giảm, tiến sát đường tín hiệu.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tiếp phiên tăng điểm thứ 3 liên tiếp từ mốc hỗ trợ kỹ thuật 61 điểm. Phiên tăng điểm nhẹ với thanh khoản giảm mạnh, lực cầu được hỗ trợ từ khối NĐTNN chưa cho tín hiệu tích cực về lực cầu bắt đáy. Đa số phía cầu còn thận trọng trong quyết định đẩy giá lên.

Diễn biến HNX-Index phản ứng với ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật 61 điểm có thể tiếp nối trong phiên giao dịch ngày mai. Với thực tế lực mua vào còn thận trọng, xu hướng điều chỉnh tích lũy của thị trường dự kiến chưa kết thúc. Chúng tôi duy trì quan điểm mức độ điều chỉnh của thị trường chung không nhiều với mốc hỗ trợ kỹ thuật khá mạnh là khoảng 61 điểm.

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN Q3 TĂNG TRƯỞNG SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	VNH	HOSE	47.61	250.8%	6.68	1964.7%	63.91	77.4%	-1.3	-62.5%	-32.5%	1.0%
2	PXS	HOSE	303.33	121.5%	33.48	1665.7%	681.75	68.1%	49.18	79.2%	49.8%	1.4%
3	HQC	HOSE	99.18	121.8%	15.12	1468.0%	383.09	223.4%	27.95	202.4%	37.3%	1.1%
4	CMI	HNX	22.48	791.5%	5.05	1052.1%	23.22	81.8%	0.79	4.6%	3.4%	0.1%
5	NDN	HNX	54.5	144.6%	10.11	568.0%	109.45	115.5%	16.75	365.7%	134.8%	0.1%
6	KMR	HOSE	119.42	120.1%	11.97	532.0%	268.49	93.8%	14.19	426.1%	114.9%	20.8%
7	VHG	HOSE	71.63	178.9%	21.12	471.2%	167.27	125.1%	75.52	-345.0%	-377.6%	0.2%
8	VPH	HOSE	237.3	1316.1%	9.83	330.2%	288.49	379.4%	10.51	-274.4%	26.2%	3.1%
9	APS	HNX	4.15	92.0%	0.7	280.0%	15.67	60.1%	4.58	37.4%	39.9%	14.0%
10	HNM	HNX	66.26	119.4%	0.58	241.7%	195.7	104.0%	1.86	-107.5%	60.0%	4.4%

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI Q3 LỚN NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	VNM	HOSE	8027.72	121.3%	1690.47	121.1%	22774.57	116.8%	5064.09	121.4%	81.3%	49.0%
2	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	178.9%	122.1%	44.1%
3	FPT	HOSE	12000.6	121.6%	330.59	97.7%	29948.2	105.2%	1133.7	103.9%	57.1%	49.0%
4	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1891.8%	417.2%	10.4%
5	DRC	HOSE	629.78	96.7%	90.46	122.5%	2008.12	94.5%	279.28	128.2%	89.3%	29.0%
6	CSM	HOSE	805.09	105.9%	89.15	116.1%	2332.6	102.2%	257.73	138.4%	125.0%	12.9%
7	VSC	HOSE	213.22	108.5%	59.34	114.5%	576.71	99.7%	160.92	96.8%	100.3%	49.0%
8	HCM	HOSE	141.8	124.1%	56.52	128.5%	435.65	97.5%	180.32	86.7%	76.0%	49.0%
9	PLC	HNX	1354.08	94.9%	42.63	151.9%	4357.91	98.4%	150.91	116.7%	85.1%	2.5%
10	SBT	HOSE	561.28	186.7%	42.38	100.5%	1473.68	99.8%	131.37	52.0%	48.0%	14.1%

TOP CỔ PHIẾU CÓ TỶ LỆ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NĂM 2013

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1891.8%	417.2%	10.4%
2	BSI	HOSE	54.21	162.5%	5.16	167.1%	155.16	81.1%	9.23	19.4%	406.6%	0.6%
3	VTO	HOSE	393.57	89.1%	8.04	62.6%	1201.53	97.9%	23.44	54.5%	324.2%	2.0%
4	WSS	HNX	4.92	78.0%	4.83	219.6%	15.22	54.5%	5.1	-162.9%	222.7%	4.4%
5	SZL	HOSE	43.31	124.8%	17.28	239.3%	116.14	122.8%	36.47	152.5%	194.5%	4.1%
6	VND	HNX	51.35	102.1%	22.89	228.2%	185.72	93.9%	117.65	167.8%	155.3%	16.6%
7	BTP	HOSE	262.28	105.1%	10.52	50.6%	1053.25	115.0%	80.57	104.6%	149.8%	1.4%
8	BVS	HNX	51.47	119.4%	21.97	212.3%	153.3	96.2%	78.6	103.5%	135.2%	2.2%
9	NDN	HNX	54.5	144.6%	10.11	568.0%	109.45	115.5%	16.75	365.7%	134.8%	0.1%
10	CSM	HOSE	805.09	105.9%	89.15	116.1%	2332.6	102.2%	257.73	138.4%	125.0%	12.9%

Ghi chú: Chỉ liệt kê những CP có KLGD bình quân trong 1 tháng gần nhất trên 50.000 cổ phiếu/phiên

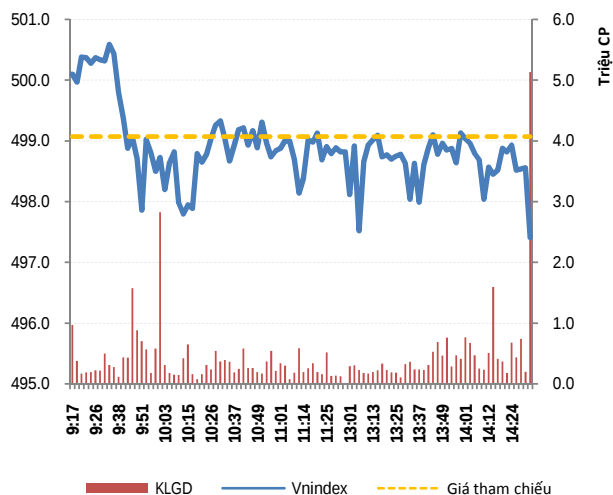
EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất (trừ khi ghi chú khác)

BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

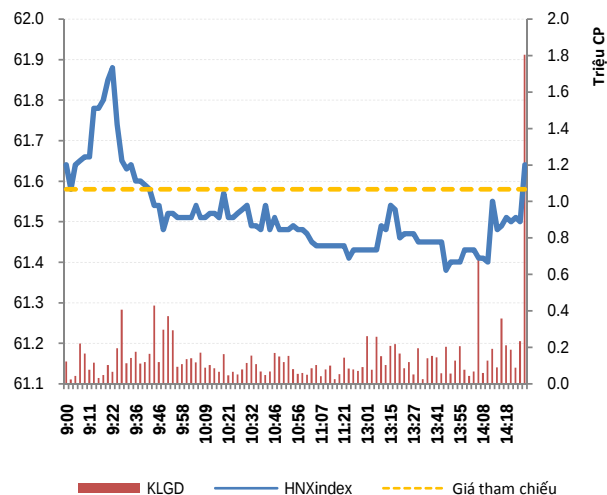
Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 31/10/2013.



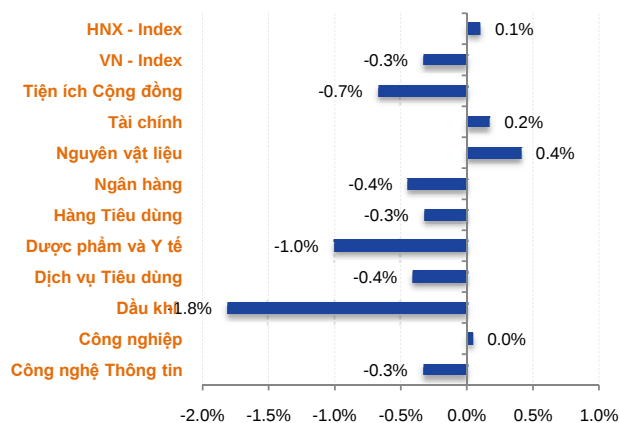
KLGD và VN-Index trong phiên



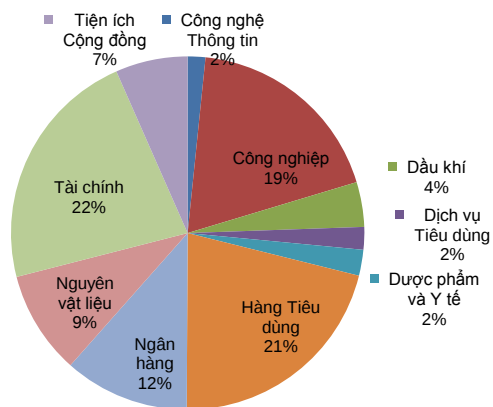
KLGD và HNX-Index trong phiên



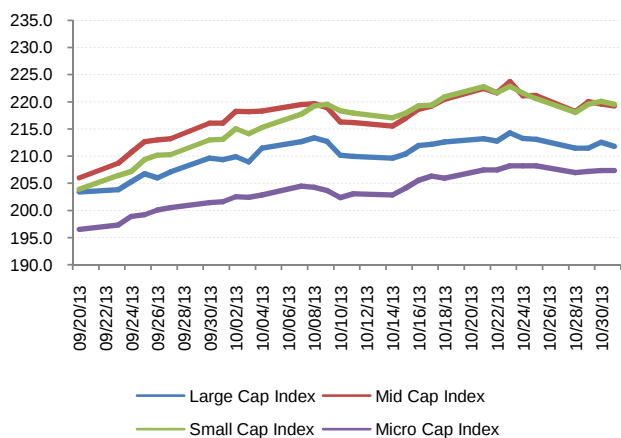
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



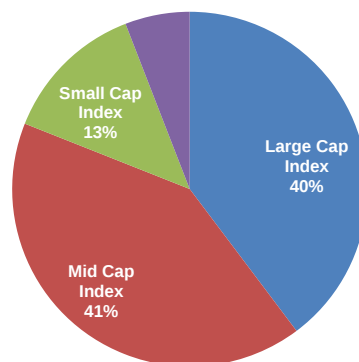
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	NTL	400,000	ITA	1,108,680
2	HAG	324,220	APC	1,033,180
3	DPM	222,550	PVD	190,510
4	VCB	117,040	STB	170,580
5	HPG	115,520	DIG	121,300

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	817,900	DBC	84,600
2	PVS	183,800	PGS	22,000
3	NTP	19,500	SCR	10,000
4	KHL	15,000	PVI	7,790
5	TIG	10,500	VCG	5,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	6.1	6.1	→ 0.00%	2,534,510
CTG	17.7	17.4	↓ -1.69%	2,209,580
HQC	6.2	6.2	→ 0.00%	1,728,720
DIG	11.3	11.9	↑ 5.31%	1,552,200
STB	17.0	16.8	↓ -1.18%	1,491,000

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVX	2.2	2.2	↑ 0.05%	1,413,635
FIT	16.9	16.0	↓ -5.20%	1,339,500
SHB	6.9	6.9	↑ 0.01%	1,175,992
VCG	9.1	9.1	↑ 0.24%	853,086
SCR	5.8	5.7	↓ -1.69%	820,915

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PDN	26.6	28.4	1.8	↑ 6.77%
DXV	3.2	3.4	0.2	↑ 6.25%
DRH	1.7	1.8	0.1	↑ 5.88%
LHG	7.1	7.5	0.4	↑ 5.63%
ACL	9.0	9.5	0.5	↑ 5.56%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PSG	0.6	0.7	0.1	↑ 16.67%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
SDC	6.1	6.7	0.6	↑ 9.84%
TMX	7.3	8.0	0.7	↑ 9.59%
AMV	7.3	8.0	0.7	↑ 9.56%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DTT	4.8	4.5	-0.3	↓ -6.25%
PNC	4.9	4.6	-0.3	↓ -6.12%
ALP	3.6	3.4	-0.2	↓ -5.56%
RIC	5.8	5.5	-0.3	↓ -5.17%
LAF	6.3	6.0	-0.3	↓ -4.76%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NVC	0.6	0.5	-0.1	↓ -16.67%
GMX	12.6	11.4	-1.2	↓ -9.52%
KSQ	4.2	3.8	-0.4	↓ -9.52%
BKC	10.7	9.7	-1.0	↓ -9.35%
VCM	11.7	10.6	-1.1	↓ -9.14%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	2,534,510	0.3%	31	199.3	0.5
CTG	2,209,580	19.2%	2,577	6.8	1.2
HQC	1,728,720	4.2%	452	13.7	0.6
DIG	1,552,200	0.0%	0	43,965.0	0.7
STB	1,491,000	4.9%	621	27.1	1.3

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	1,413,635	-67.8%	(4,616)	-	0.5
FIT	1,339,500	6.4%	741	21.2	1.3
SHB	1,175,992	-2.9%	(335)	-	0.6
VCG	853,086	1.3%	150	60.6	0.8
SCR	820,915	-3.1%	(450)	-	0.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PDN	↑ 6.8%	16.4%	5,193	5.5	0.9
DXV	↑ 6.3%	3.5%	349	9.7	0.3
DRH	↑ 5.9%	-5.1%	(504)	-	0.2
LHG	↑ 5.6%	7.8%	1,908	3.9	0.3
ACL	↑ 5.6%	-2.7%	(385)	-	0.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PSG	↑ 16.7%	-2323.7%	(7,206)	-	(0.5)
VE4	↑ 10.0%	6.9%	987	8.9	0.6
SDC	↑ 9.8%	6.3%	1,206	5.6	0.4
TMX	↑ 9.6%	6.9%	924	8.7	0.6
AMV	↑ 9.6%	4.5%	454	17.6	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
NTL	400,000	6.7%	902	15.1	1.1
HAG	324,220	5.0%	938	24.2	1.3
DPM	222,550	28.7%	7,064	5.9	1.6
VCB	117,040	9.9%	1,785	16.5	1.7
HPG	115,520	18.4%	3,913	9.5	1.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	817,900	-2.9%	(335)	-	0.6
PVS	183,800	16.4%	2,738	6.1	1.0
NTP	19,500	28.5%	7,438	8.1	2.2
KHL	15,000	-1.0%	(100)	-	0.2
TIG	10,500	3.9%	383	17.8	0.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	121,280	41.6%	6,429	10.0	3.8
VNM	116,686	40.5%	8,053	17.4	6.9
VCB	68,364	9.9%	1,785	16.5	1.7
CTG	64,787	19.2%	2,577	6.8	1.2
VIC	61,339	38.3%	4,972	13.6	4.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,376	0.3%	41	383.2	1.2
SQC	8,602	1.6%	198	395.7	6.4
PVS	7,505	16.4%	2,738	6.1	1.0
SHB	6,114	-2.9%	(335)	-	0.6
OCH	4,800	6.5%	570	42.1	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PXM	2.33	-1010.2%	(14,249)	-	(0.1)
KBC	2.22	-10.2%	(1,412)	-	0.7
PET	2.14	14.4%	2,610	8.1	1.1
GMD	2.13	4.7%	1,866	15.5	0.7
DLG	2.07	0.4%	51	74.1	0.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HNM	4.56	3.6%	385	18.2	0.7
HDA	4.36	14.3%	1,364	6.1	0.6
PVA	4.29	-108.8%	(6,781)	-	0.6
ITQ	4.14	0.4%	42	106.8	0.4
TTZ	3.84	1.3%	135	22.9	0.3



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)